

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ NÔNG LÂM THỦY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

Đà Lạt, ngày tháng 3 năm 1995

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện đề tài :
“Khảo nghiệm tập đoàn giống bắp lai
trong điều kiện khí hậu Lâm Đồng
năm 1994”.



- Cán bộ thực hiện :

*Chu Bá Thông - Nguyễn Văn Tú
Sở Nông Lâm Thủy Lâm Đồng.*

- Cơ quan phối hợp :

+ Viện Khoa Học Nông Nghiệp Miền Nam.
+ Công Ty Giống Cây Con Lâm Đồng.

- Nội dung báo cáo :

- I.- Phần mở đầu.
- II.- Vật liệu và phương pháp thí nghiệm.
- III.- Kết quả và nhận xét.
- IV.- Kết luận và đề nghị.



ARVN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
1854
KHO LƯU TRỮ
SỞ NÔNG LÂM THỦY LÂM ĐỒNG

15/09/95

I.- PHẦN MỞ ĐẦU.

Bắp là cây lương thực quan trọng trên thế giới và đứng thứ ba sau cây lúa mì và lúa nước. Do ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến về di truyền, tạo giống, sử dụng ưu thế lai nên bắp cho năng suất hạt và năng suất thực vật rất cao. Năng suất bình quân của bắp trên toàn thế giới là 3,7 tấn/ha ; bình quân của các nước đang phát triển là 2,4 tấn/ha, các nước phát triển 6,7 tấn/ha. Đứng đầu năng suất thế giới là Hy Lạp 9,4 tấn/ha, kế đến là Thụy Sĩ 8,7 tấn/ha, trong sản xuất bắp trên diện rộng ở các nước phát triển đã đạt năng suất 17 - 18 tấn/ha, trong thí nghiệm đã đạt 24 tấn/ha. Ở Châu Á Trung Quốc là nước phát triển mạnh về bắp lai, chiếm 74% diện tích trồng bắp trong cả nước ; năng suất bình quân đạt 4,3 tấn/ha trên tổng số diện tích 20,8 triệu/ha, sản lượng 89,9 triệu tấn, đứng hàng thứ hai về sản lượng trên thế giới (số liệu của CIMMYT 1991 - 1992).

Ở Việt Nam bắp là cây lương thực đứng thứ hai sau cây lúa : năng suất bắp từ 1,1 tấn/ha (1980) đã tăng lên 1,56 tấn/ha (1992). Trong 2 năm 1993, 1994 nhiều tỉnh trong nước đã ứng dụng rộng rãi các giống bắp lai có năng suất cao góp phần nâng năng suất toàn quốc lên 1,8 tấn/ha. Riêng trong tỉnh từ sản xuất thử 8 ha bắp lai năm 1992 đã phát triển 761 ha năm 1993 và 5.360 ha năm 1994 tạo bước nhảy vọt về năng suất bắp từ 2,1 - 2,2 tấn/ha (trung bình hàng năm) lên 3,5 tấn/ha và tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1994 đạt 143.000 tấn cũng là năm đạt sản lượng cao nhất từ 1975 đến nay. Như vậy ứng dụng bắp lai vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần cải thiện đời sống nông dân, nông thôn, tăng tổng sản lượng lương thực của tỉnh.

Trong tình hình hiện nay nhiều công ty nước ngoài cũng như các Viện Nghiên Cứu trong nước thường xuyên chọn tạo các giống mới có nhiều đặc điểm tốt trong đó đặc biệt lưu ý đến năng suất. Vì vậy việc thu thập nguồn giống để khảo nghiệm, xác định được các giống bắp lai mới phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của Lâm Đồng, cho năng suất, hiệu quả kinh tế hơn các giống cũ là mục tiêu của đề tài cần đạt được.

Năm 1994 được sự quan tâm của Sở Khoa Học và Công Nghệ Môi Trường cấp kinh phí để thực hiện đề tài : “Khảo nghiệm tập đoàn giống bắp lai trong điều kiện khí hậu Lâm Đồng năm 1994”. Kết quả được báo cáo trong phần sau.

II.- VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP THÍ NGHIỆM :

1/- Địa điểm, diện tích, nội dung thí nghiệm :

Toàn bộ thí nghiệm được gieo trồng tại Công Ty Giống Cây Con huyện Đức Trọng - Lâm Đồng bao gồm :

- Thí nghiệm so sánh giống bắp lai của Viện Nghiên Cứu Ngô Hà Nội ; gồm 11 giống : CV3, CV1, VN1, LVN10, LVN11, LVN12, DK888, DK222, VM1, VMN-1, đối chứng TSB1 (CH).

- Thí nghiệm so sánh giống bắp lai của Viện Khoa Học Nông Nghiệp Miền Nam, gồm 12 giống : TH1, TH2, TH3, TH4, TH5, TH6, TH7, VMN1, VMN7, LVN10, LVN11, đối chứng TSB1 (CH).

- Thí nghiệm so sánh giống bắp lai Bioseed ; gồm 20 giống : 9754, V41011, V30123, V32123, V32096, V32157, 9682, 9683, VH1017, DK888 (đ/c), V41016, VH1036, PA11 (đ/c), V41015, V41018, V41013, V31006, V41027, EX9850, 9670, V41041.

- Thí nghiệm so sánh giống bắp lai CP-DK gồm 10 giống : DK999, CS9372, CS9374, CS9375, CS9376, CS9377, CS9378, CS9380, đ/c DK888.

- Thí nghiệm so sánh giống bắp lai của Viện KHNN Miền Nam gồm 10 giống : C.922, C.988, C.3070-3, C.3012, C.4006, U.90, DK.888 (đ/c), DK999, Đài Loan, LVN10 (đ/c).

2/- Phương pháp thí nghiệm :

Toàn bộ thí nghiệm được bố trí theo khối đầy đủ, hoàn toàn ngẫu nhiên, 4 lần lặp lại, mỗi giống gieo 4 hàng, mỗi hàng dài 5m, khoảng cách hàng là 0,7m, khoảng cách cây 0,25m. Mật độ 57.000 cây/ha. Gieo 2 hạt sau tỉa chừa 1 cây/hốc. Thu hoạch 2 hàng giữa để tính năng suất.

3/- Chăm sóc :

Đầu tư phân bón :

Vụ 1 : 140N - 80P₂O₅ - 60K₂O.

Vụ 2 : 160N - 80P₂O₅ - 60K₂O.

Bón phân, làm cỏ :

- Phân lân bón lót toàn bộ.
- Làm cỏ, bón phân lần 1 : 10 - 12 ngày sau gieo làm sạch cỏ, bón 1/3 lượng N.
- Làm cỏ bón phân lần 2 : 22 - 25 ngày sau gieo, làm sạch cỏ, bón 2/3 lượng N và toàn bộ Kali, kết hợp vun gốc cao.
- Phòng trừ sâu bệnh : Ở giai đoạn làm cỏ bón phân lần 2, dùng Furadan 3H, liều lượng 15 kg/ha rắc vào nống để phòng sâu đục nống, đục thân.

* Các chỉ tiêu theo dõi : (Theo các chỉ tiêu của CIMMYT).

1/- Ngày trở hoa 50%, tính từ ngày gieo đến 50% số cây phum râu.

- 2/- Chiều cao cây : đo từ mặt đất đến nhánh phân cành đầu tiên.
- 3/- Chiều cao đóng bắp : đo từ mặt đất đến đốt trên cùng của trái cao nhất.
- 4/- Đổ gốc : tính số cây đổ ngã từ gốc.
- 5/- Gãy cây : tính số cây bị gãy dưới trái.
- 6/- Trọng lượng ngoài đồng : cân trái đã bóc vỏ trên ô sau thu hoạch.
- 7/- Số cây hiện diện : đếm sau khi gieo 30 ngày.
- 8/- Số cây thu hoạch : đếm số cây trước thu hoạch 1 tuần.
- 9/- Tổng số trái : số trái thu hoạch trên 1 ô.
- 10/- Số trái thối : trên 5% số hạt bị thối gọi là trái thối.
- 11/- Ẩm độ : lấy 10 trái tách 4 hàng dọc đo ẩm độ ngay ngoài ruộng sau khi thu hoạch.
- 12/- Bệnh : cấp bệnh từ 1 đến 5 (1 là nhẹ, 5 là nhiễm nặng).
- 13/- Trạng thái cây 5 cấp (1 là tốt, 5 là xấu).
- 14/- Trạng thái trái 5 cấp.
- 15/- Độ phủ bắp 5 cấp.
- 16/- Thời gian sinh trưởng.

Năng suất hạt khô quy về 15% ẩm độ với công thức :

$$\text{Năng suất (tấn/ha)} = \frac{\text{Trọng lượng ô} \times \text{tỷ lệ hạt/trái} \times (100 - \text{ẩm độ hạt}) \times 10.000}{\text{Diện tích ô} \times 85}$$

III.- KẾT QUẢ VÀ NHẬN XÉT TỪNG THÍ NGHIỆM :

BẢNG 1 : KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM SO SÁNH GIỐNG CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ - VỤ 1/1994.

Ngày gieo : 07/5/1994.

Ngày thu hoạch : 30/8/1994.

GIỐNG	NGÀY TRỞ HOA	THỜI GIAN SINH TRƯỞNG (NGÀY)	CHIỀU CAO CÂY (cm)	CHIỀU CAO ĐÓNG TRÁI (cm)	BỆNH CHÁY LÁ LỚN	TRẠNG THÁI CÂY	TRẠNG THÁI BẮP	ĐỘ PHỦ BẮP
1/- CV3	65	115	212	113	1,0	2,5	2,6	1,4
2/- CV1	63	114	216	117	1,4	2,5	1,8	1,6
3/- VN1	66	117	217	118	1,0	2,5	2,1	1,9
4/- LVN10	67	120	228	132	0,5	2,1	1,1	1,3
5/- LVN11	62	113	213	119	1,0	2,0	2,1	1,0
6/- LVN12	63	114	206	110	1,3	2,3	2,1	1,0
7/- DK888	66	119	232	130	0,8	2,3	1,0	1,1
8/- DK222	62	113	197	102	0,9	2,4	1,5	1,1
9/- VM1	68	120	223	125	1,9	2,5	2,4	1,4
10/- VMN-1	64	114	216	117	1,1	2,5	1,9	1,5
11/- TSB1 (đ/c)	62	112	206	110	1,4	2,9	2,3	2,0

GIỐNG	SỐ CÂY HIỆN DIỆN	SỐ CÂY THU HOẠCH	SỐ TRÁI THU HOẠCH	SỐ TRÁI THỐI	TRỌNG LƯỢNG NGOÀI ĐỒNG	ẨM ĐỘ (%)	NĂNG SUẤT (tấn/ha)	% SO Đ/C
1/- CV3	42	41	41	3,7	9,75	36,8	7,260	107
2/- CV1	42	41	42	2,9	9,13	34,7	7,163	106
3/- VN1	42	41	39	0,7	8,03	34,9	6,528	96
4/- LVN10	42	41	51	-	10,60	39,3	7,541	111
5/- LVN11	42	42	43	2,4	9,83	33,3	7,860	116
6/- LVN12	42	41	47	0,4	9,68	34,9	7,115	105
7/- DK888	42	40	54	-	10,67	36,5	8,099	120
8/- DK222	42	41	42	2,4	8,90	33,3	7,126	105
9/- VM1	42	41	39	0,7	8,50	39,8	6,147	91
10/- VMN-1	42	41	43	0,6	8,85	35,5	6,863	101
11/- TSB1 (đ/c)	42	41	43	2,3	8,10	32,3	6,776	100

GHI CHÚ : Các giống không đổ ngã, gãy cây.

Về năng suất : CV : 7,59%.

LSD 5% : 0,783 tấn.

NHẬN XÉT :

- Năm 1994 tại khu vực thí nghiệm mưa đầu mùa đến trễ nên thời vụ gieo trồng chậm hơn gần 1 tháng so với các năm trước. Ở các giai đoạn sau xen kẽ có những đợt hạn 15 - 20 ngày. Sự việc này đã làm ảnh hưởng đến năng suất của toàn bộ các giống tham gia thí nghiệm và năng suất đạt thấp hơn so với vụ 1/1993.

Giống TSB1 (CH) được sử dụng làm đối chứng trong thí nghiệm là giống đã được chọn lọc 4 chu kỳ nên đã thể hiện nhiều đặc điểm tốt và năng suất đạt khá cao.

- Về thời gian sinh trưởng : các giống DK888, LVN10, VM1 dài hơn đối chứng 7 - 8 ngày ; các giống khác tương đương hay khác biệt không đáng kể, tương tự chiều cao cây của giống DK888, LVN10 cao hơn các giống khác và đối chứng.

- Mặc dù được gieo trồng với mật độ 57.000 cây/ha là mật độ tương đối dày đối với các giống DK888, LVN10 nhưng các giống này vẫn cho tỷ lệ cây đạt 2 trái 25 - 30%.

- Về năng suất : các giống DK888, LVN10, LVN11 cao hơn đối chứng TSB1 : 11 - 20% và sự khác biệt này rất có ý nghĩa ở mức độ tin cậy 95%. Các giống khác cho năng suất tương đương đối chứng.

BẢNG 2 : KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM SO SÁNH GIỐNG BẮP LAI CỦA VIỆN KHNN MIỀN NAM VỤ 1/1994 :

Ngày gieo : 7/5/1994.

Ngày thu hoạch : 30/8/1994.

GIỐNG	NGÀY TRỞ HOA	THỜI GIAN SINH TRƯỞNG (NGÀY)	CHIỀU CAO CÂY (cm)	CHIỀU CAO ĐÓNG TRÁI (cm)	BỆNH CHÁY LÁ LỚN	TRẠNG THÁI CÂY	TRẠNG THÁI BẮP	ĐỘ PHỦ BẮP
1/- TH1	58	108	214	115	0,6	2,5	2,1	1,9
2/- TH2	60	111	215	114	1,0	2,6	2,0	2,3
3/- TH3	61	111	224	126	0,8	2,8	1,8	1,8
4/- TH4	57	106	215	115	0,6	2,5	2,1	2,0
5/- TH5	59	109	217	118	1,1	2,4	2,3	1,9
6/- TH6	57	106	213	113	1,0	2,3	1,6	1,4
7/- TH7	62	112	223	117	0,9	2,0	2,0	1,5
8/- VMN1	64	115	216	130	0,8	2,3	2,0	1,3
9/- VM7	62	113	208	111	1,1	2,4	2,0	1,5
10/- LVN10	68	121	227	134	0,6	2,1	1,0	1,1
11/- LVN11	62	113	217	130	0,9	2,0	1,9	1,0
12/- TSB1 (đ/c)	61	111	218	121	1,3	2,6	1,6	1,8

GIỐNG	SỐ CÂY HIỆN DIỆN	SỐ CÂY THU HOẠCH	SỐ TRÁI THU HOẠCH	SỐ TRÁI THỐI	TRỌNG LƯỢNG NGOÀI ĐỒNG (kg)	ẨM ĐỘ %	NĂNG SUẤT (tấn/ha)	% SO Đ/C
1/- TH1	42	42	44	1,7	8,40	34,5	6.865	105
2/- TH2	42	42	44	0,6	8,88	34,8	6.941	106
3/- TH3	42	41	48	0,5	9,33	36,8	7.082	108
4/- TH4	42	41	44	1,6	8,25	34,8	6.786	104
5/- TH5	42	40	41	4,3	8,05	34,4	6.341	97
6/- TH6	42	41	41	0,6	8,85	33,1	7.112	109
7/- TH7	42	40	41	2,9	9,28	38,1	6.895	106
8/- VMN1	42	41	45	1,6	9,50	38,5	7.016	107
9/- VM7	42	41	41	-	9,10	36,2	6.978	107
10/- LVN10	42	40	53	-	9,93	38,6	7.409	113
11/- LVN11	42	42	43	-	9,55	35,7	7.372	113
12/- TSB1 (đ/c)	42	41	42	1,8	8,54	36,9	6.533	100

GHI CHÚ : Các giống không đổ ngã, gãy cây.

Về năng suất : CV = 4,95%.

LSD 5% = 0,496 tấn.

NHÂN XÉT :

- Trừ 2 giống LVN10, LVN11 các giống tham gia thí nghiệm là giống lai đỉnh (lai giữa một giống lai với một giống thụ phấn tự do) trong đó giống thụ phấn tự do là TSB1 vì vậy chúng thể hiện độ đồng đều chưa cao như các giống lai theo quy ước (lai đơn, lai kép, lai ba).

- Không có sự khác biệt đáng kể giữa các giống lai đỉnh với đối chứng về chiều cao cây, đóng trái ... Riêng 2 giống TH3, TH6 có thời gian sinh trưởng ngắn hơn đối chứng 5 ngày, giống LVN10 dài hơn đối chứng 10 ngày.

- Về năng suất : các giống LVN10, LVN11, tổ hợp 6 cho năng suất cao hơn đối chứng từ 9 - 13% và sự khác biệt này có ý nghĩa ở mức độ tin cậy 95%. Các giống khác cho năng suất tương đương với đối chứng.

BẢNG 3 : KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM SO SÁNH GIỐNG BẮP LAI BIOSEED

VỤ 1/1994.

Ngày gieo : 07/5/1994.

Ngày thu hoạch : 31/8/1995.

GIỐNG	NGÀY TRỞ HOA	THỜI GIAN SINH TRƯỞNG (NGÀY)	CHIỀU CAO CÂY (cm)	CHIỀU CAO ĐÓNG TRÁI (cm)	BỆNH CHÁY LÁ LỚN	TRẠNG THÁI CÂY	TRẠNG THÁI BẮP	ĐỘ PHỦ BẮP
1/- B.9682	60	110	215	120	3	2,5	2,0	2
2/- B.9683	60	110	185	100	2	2,0	2,0	2
3/- V.30123	63	115	210	115	2	2,0	1,5	2
4/- V.32096	61	112	220	122	3	2,5	2,0	2
5/- V.32157	60	110	200	115	2	2,5	2,0	2
6/- V.41006	64	116	225	125	3	3,0	2,5	2
7/- V.41013	61	112	220	120	2	3,0	2,5	2
8/- V.41015	60	110	190	95	2	2,5	2,0	2
9/- V.41016	60	110	205	115	2	2,5	3,0	2
10/- V.41017	60	110	220	120	2	2,5	2,0	2
11/- V.41018	61	112	215	115	2	2,5	2,5	3
12/- V.41027	62	114	185	85	2	2,5	1,5	3
13/- V.41036	62	115	210	105	2	2,5	2,0	3
14/- V.41041	61	112	195	95	3	3,0	3,0	4
15/- V.41011	60	110	185	95	2	2,0	2,0	2
16/- B.9670	61	112	190	90	3	2,5	2,0	3
17/- B.9754	60	110	215	120	2	2,0	2,0	2
18/- DK888(d/c)	68	120	230	120	1	2,0	1,5	1
19/- EX.9850	61	112	230	120	3	3,0	2,0	2
20/- P.11	64	115	210	105	3	2,5	2,5	3

GIỐNG	SỐ CÂY HIỆN DIỆN	SỐ CÂY THU HOẠCH	SỐ TRÁI THU HOẠCH	SỐ TRÁI THỐI	P NGOÀI ĐỒNG (kg)	ẨM ĐỘ (%)	NĂNG SUẤT (tấn/ha)	% SO Đ/C
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1/- B.9682	42	41	43	1,5	9,85	34,4	7,435	101
2/- B.9683	41	41	42	2,3	9,37	32,3	7,413	101
3/- V.30123	42	42	43	0,5	10,28	38,2	7,600	103
4/- V.32096	42	41	42	2,7	9,90	34,0	7,560	103
5/- V.32157	41	41	41	1,3	9,67	35,1	7,501	102
6/- V.41006	42	42	44	1,3	9,33	38,3	6,625	90

GIỐNG	SỐ CÂY HIỆN DIỆN	SỐ CÂY THU HOẠCH	SỐ TRÁI THU HOẠCH	SỐ TRÁI THỐI	P NGOÀI ĐỒNG (kg)	ẨM ĐỘ (%)	NĂNG SUẤT (tấn/ha)	% SO Đ/C
1	2	3	4	5	6	7	8	9
7/- V.41013	42	41	43	2,7	10,25	39,6	6,742	92
8/- V.41015	41	41	43	1,3	9,20	36,2	6,899	94
9/- V.41016	42	42	43	1,0	9,50	37,9	7,175	98
10/- V.41017	42	41	41	2,7	9,43	31,9	7,410	101
11/- V.41018	42	42	42	0,5	10,20	38,5	6,802	93
12/- V.41027	42	42	43	2,3	8,96	39,0	6,616	90
13/- V.41036	41	40	39	1,7	9,70	34,2	7,091	97
14/- V.41041	41	40	38	1,0	8,53	38,5	6,286	86
15/- V.41011	41	41	41	1,0	9,33	33,6	7,600	103
16/- B.9670	42	41	42	1,0	8,95	37,3	6,434	88
17/- B.9754	42	42	43	2,0	10,26	33,7	7,853	107
18/- DK888(đ/c)	42	42	54	-	10,23	37,3	7,352	100
19/- EX.9850	42	41	43	2,0	9,20	39,8	6,439	88
20/- P.11	41	41	41	1,5	8,70	33,5	7,083	96

Về năng suất : CV = 6,42%.

LSD 0,05 = 0,753.

NHẬN XÉT :

- Các giống của Công ty Bioseed tham gia thí nghiệm hầu hết là lai kép do vậy độ đồng đều về chiều cao cây, đóng trái và các chỉ tiêu khác như dạng cây, dạng bắp đều kém hơn DK888 ; nhiễm bệnh cháy lá lớn nặng hơn DK888. Thời gian sinh trưởng trung bình 110 - 112 ngày tương đương với giống địa phương TSB1 và ngắn hơn DK888 : 8 - 10 ngày.

- Giống Bioseed 9754 đạt năng suất 7,853 tấn/ha tương đương 107% so đối chứng DK888. Qua xử lý thống kê cho thấy không có sự khác biệt về năng suất giữa hai giống này. Nếu so sánh năng suất của giống B.9754 và giống B.9670 là giống đang sản xuất đại trà thì sự khác biệt về năng suất giữa hai giống này là rất có ý nghĩa. Kết quả thí nghiệm cho ta thấy có thể sử dụng giống B.9754 thay cho giống B.9670 để đạt năng suất cao hơn và thay giống DK888 năng suất đạt tương đương nhưng giá thành hạt giống rẻ hơn giống DK888.

BẢNG 4 : KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM SO SÁNH GIỐNG BẮP LAI CỦA CP-DK

VỤ 1/1994 :

Ngày gieo : 07/5/1994.

Ngày thu hoạch : 31/8/1994.

GIỐNG	NGÀY TRỞ HOA	THỜI GIAN SINH TRƯỞNG (NGÀY)	CHIỀU CAO CÂY (cm)	CHIỀU CAO ĐÓNG TRÁI (cm)	BỆNH CHÁY LÁ LỚN	TRẠNG THÁI CÂY	TRẠNG THÁI BẮP	ĐỘ PHỦ BẮP
1/- DK 999	62	112	205	105	1	2,0	1,5	1
2/- CS.9371	63	114	215	115	2	2,5	1,5	2
3/- CS.9372	62	112	195	100	1	2,5	2,0	2
4/- CS.9374	64	115	185	100	2	2,0	2,0	2
5/- CS.9375	63	114	190	90	1	2,0	2,0	3
6/- CS.9376	62	112	190	95	1	2,5	1,5	2
7/- CS.9377	63	114	185	100	1	2,0	1,5	2
8/- CS.9378	67	118	200	105	2	2,5	2,0	3
9/- CS.9380	67	118	215	120	1	2,0	1,5	1
10/- DK.888 (đ/c)	68	120	220	115	1	2,0	1,5	1

GIỐNG	SỐ CÂY HIỆN DIỆN	SỐ CÂY THU HOẠCH	SỐ TRÁI THU HOẠCH	SỐ TRÁI THỐI	TRỌNG LƯỢNG NGOÀI ĐỒNG	ẨM ĐỘ (%)	NĂNG SUẤT (tấn/ha)	% SO Đ/C
1/- DK 999	42	42	43	0,5	10,37	33,8	8,117	116
2/- CS.9371	42	41	42	1	9,85	35,1	7,820	112
3/- CS.9372	41	41	41	0,5	9,80	35,0	7,807	112
4/- CS.9374	42	42	42	1	9,15	34,9	7,211	103
5/- CS.9375	42	42	43	1	10,32	34,0	8,621	115
6/- CS.9376	41	41	41	1	9,61	33,6	7,701	110
7/- CS.9377	42	42	42	0,5	9,219	34,8	7,281	104
8/- CS.9378	42	42	42	-	8,73	37,5	6,670	96
9/- CS.9380	42	42	43	1	9,21	36,2	7,274	104
10/- DK.888 (đ/c)	42	42	51	-	9,52	38,3	6,984	100

Về năng suất : CV = 6,37%.
LSD 0,05 = 0,692 tấn.

NHẬN XÉT :

- Các giống của tập đoàn CP-DK tham gia thí nghiệm đều là giống lai đơn nên thể hiện độ đồng đều rất cao về chiều cao cây, đóng trái, nhiễm bệnh cháy lá lớn ít.

- Các giống CS và DK.999 đều có thời gian sinh trưởng ngắn hơn giống DK 888 : 2 - 8 ngày. Giống DK999 có thời gian sinh trưởng tương đương giống địa phương.